

QUYẾT ĐỊNH

**Giao biên chế công chức, viên chức (số lượng người làm việc)
và chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ năm 2023
đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1271-QĐ/TU ngày 27/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế của chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân), đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh Bình Phước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 28/TTr-SNV ngày 08/01/2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023, như sau:

1. Biên chế công chức: **186** biên chế.
2. Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*): **92** biên chế (*người*), trong đó:
 - a) Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **69** biên chế (*người*).
 - b) Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị: **23** biên chế (*người*).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)
3. Chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ: **34** chỉ tiêu, trong đó:
 - a) Trong cơ quan hành chính: **25** chỉ tiêu.
 - b) Trong đơn vị sự nghiệp công lập: **09** chỉ tiêu.

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định giao biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc (*nếu có*); thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo đúng số lượng đã được UBND tỉnh giao.

2. Giao Sở Nội vụ quản lý việc sử dụng biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng số lượng đã được UBND tỉnh giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh về việc tạm giao biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2023 đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (TBC).



Trần Tuệ Hiền

PHỤ LỤC

**Biên chế viên chức (số lượng người làm việc) trong các đơn vị
sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**
(Kèm theo Quyết định số 113 /QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh)

| STT | Đơn vị sự nghiệp công lập | Biên chế giao năm 2023 | | | Ghi chú |
|-------------|--|--|--|---|------------|
| | | Tổng biên chế viên chức (số lượng người làm việc) | Số biên chế hưởng lương từ NSNN | Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN | |
| TỔNG | | 92 | 69 | 23 | |
| 1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp | 34 | 32 | 2 | |
| 2 | Trạm chẩn đoán xét nghiệm, kiểm dịch và điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi Thú y | 18 | 0 | 18 | |
| 3 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp | 15 | 15 | 0 | |
| 4 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắk Mai | 25 | 22 | 3 | |

